ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ A DƠI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 220 /BC-UBND	*A Dơi, ngày 20 tháng 7 năm 2026*

BÁO CÁO
Tình hình thiên tai, thiệt hại 6 tháng đầu năm 2026

Thực hiện Công văn số 5949/SNNMT-CCTL ngày 06/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị về việc báo cáo tình hình thiên tai, thiệt hại 6 tháng đầu năm 2026, UBND xã A Dơi tổng hợp báo cáo như sau:

1. Tình hình thiên tai trên địa bàn

- Bão và áp thấp nhiệt đới: Không;
- Không khí lạnh: Không;
- Mưa lớn diện rộng: Không;
- Dông, lốc, tố: Không;
- Nắng nóng: Từ tháng 4-6/2026 nắng nóng có xu hướng gia tăng với số ngày nắng nóng xuất hiện nhiều hơn.

2. Công tác chỉ huy ứng phó

- Ngày từ đầu năm, UBND xã đã chỉ đạo rà soát ban hành Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn xã. Đồng thời chỉ đạo, đôn đốc các phòng, ban, các đơn vị rà soát, cập nhật phương án phòng, chống thiên tai theo các cấp độ rủi ro, xác định cụ thể các khu vực xung yếu, các điểm có nguy cơ cao về ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, phương án sơ tán dân, phương án bảo vệ công trình trọng điểm, công trình hạ tầng thiết yếu.
- Ủy ban nhân dân đã ban hành Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND xã về việc kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã, bảo đảm tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm cho các thành viên Ban Chỉ huy, các cơ quan, đơn vị và thống nhất đầu mối chỉ đạo, điều hành, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong tình hình mới.
- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự chủ động chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư, hậu cần theo phương châm "4 tại chỗ" để kịp thời ứng phó khi thiên tai xảy ra đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của Nhân dân, Nhà nước.
- Chỉ đạo các đơn vị trường học, Trạm Y tế, các đơn vị đóng quân trên địa bàn, các thôn, bản thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thiên tai để chủ động trong việc xây dựng phương án cứu hộ, cứu nạn khi thiên tai xảy ra.
- Thành lập, củng cố đội xung kích phòng, chống thiên tai tại các thộn, bản với số lượng bình quân từ 40 – 70 người/khu vực do lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt, cùng với sự tham gia của lực lượng An ninh trật tự cơ sở, lực lượng thanh niên,.. và một số người dân có kinh nghiệm trong công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn tại địa phương.

3. Thống kê, đánh giá thiệt hại

Trong 06 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn xã A Dơi không có thiệt hại do thiên tại gây ra.

(Có phụ lục kèm theo)

4. Đánh giá về công tác phòng, chống thiên tai

a. Đánh giá chung

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực HĐND xã nên công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn xã được triển khai chủ động, đồng bộ và hiệu quả; ý thức của cán bộ và Nhân dân về phòng, chống thiên tai được nâng lên.

- UBND xã chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, các cơ quan, đơn vị xây dựng phương án chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả khi thiên tai xảy ra. Qua đó, thiệt hại do thiên tai được hạn chế đến mức thấp nhất, góp phần bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân, Nhà nước; duy trì ổn định sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định về quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

b. Những tồn tại, hạn chế

- Công tác thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai thực hiện chưa thường xuyên, chưa đa dạng về hình thức và nội dung; ý thức của một số người dân còn chủ quan, chưa chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai.

- Lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã tuy đã được kiện toàn những kỹ năng, kinh nghiệm ứng phó với các tình huống thiên tai phức tạp còn hạn chế, bị động; công tác tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng về phòng, chống thiên tai chưa được tổ chức thường xuyên.

- Trang thiết bị, phương tiện và vật tư dự phòng phục vụ công tác phòng, chống thiên tai còn thiếu, một số thiết bị đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu khi xảy ra.

- Nguồn kinh phí dành cho công tác phòng, chống thiên tai còn hạn chế, chủ yếu tập trung xử lý các nhiệm vụ cấp bách.

- Việc huy động nguồn lực xã hội hóa tham gia công tác phòng, chống thiên tai còn gặp khó khăn; sự tham gia của một số tổ chức, doanh nghiệp và người dân còn hạn chế.

- Công tác dự báo, cảnh báo mặc dù đã được cải thiện nhưng đối với một số hiện tượng thời tiết cực đoan có diễn biến nhanh, cục bộ vẫn còn khó khăn trong việc dự báo chính xác, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các biện pháp ứng phó.

- Sau sáp nhập đơn vị hành chính, đội ngũ cán bộ còn thiếu, chưa bố trí được cán bộ chuyên trách; công tác theo dõi, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu liên quan đến thiên tai còn gặp nhiều khó khăn.

c. Bài học kinh nghiệm:

Qua thực tiễn công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn xã trong 6 tháng đầu năm 2026, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

- Chủ động nhận diện và di dời khỏi vùng nguy cơ cao**:** Xã A Dơi là xã Miền núi thường xuyên đối mặt với lũ quét và sạt lở đất. Bài học kinh nghiệm xương máu là cần thường xuyên rà soát, cắm biển cảnh báo và kiên quyết di dời các hộ dân sinh sống ở nơi có địa chất không ổn định, ven khe suối, taluy cao đến nơi an toàn trước khi mưa lũ xảy ra. Việc trông chờ vào "nước đến chân mới nhảy" thường dẫn đến hậu quả nghiêm trọng về người và của.

- Phát huy tối đa phương châm "4 tại chỗ": Do địa hình chia cắt, giao thông thường xuyên bị chia cắt khi có mưa lũ, lực lượng cứu hộ từ tuyến trên rất khó tiếp cận ngay lập tức các thôn bản vùng sâu. Do đó, việc thực hiện tốt "4 tại chỗ" (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ) là yếu tố quyết định để cứu sống và ổn định đời sống nhân dân trong những giờ đầu tiên.

- Công tác tham mưu của các cơ quan chuyên môn cần chủ động, kịp thời và có phương án cụ thể, khả thi, nhất là đối với các tình huống thiên tai khẩn cấp, phức tạp như sạt lở đất, sạt lở bờ sông ở các khu dân cư.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai cần tiếp tục được tăng cường, nhất là tại các thôn thường xuyên bị ngập, cô lập, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại về người do nguyên nhân chủ quan.

- Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan đơn vị đóng chân trên địa bàn trong công tác phòng, chống thiên tai cần rõ ràng, thông suốt, phát huy đầy đủ vai trò của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự xã và các cơ quan liên quan.

5. Công tác triển khai nhiệm vụ trong thời gian tới

- Tiếp tục tuyên truyền Luật Phòng, chống thiên tai số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều và Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều, nhằm nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai, các hiện tượng thiên tai bất thường, vận động nhân dân luôn nêu cao cảnh giác, chủ động phòng tránh thiên tai, lũ, bão, lũ mạnh, siêu bão, lốc xoáy, sét, sạt lở đất…tiếp tục kiện toàn Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự của xã theo Nghị định 200/NĐ-CP ngày 09/7/2025 khi có thay đổi.

- Thực hiện nghiêm các nội dung của Chương trình hành động số 22 CT/ĐU ngày 15/02/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về việc thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về phòng chống thiên tai, nhất là các hiện tượng thiên tai bất thường. Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống thông tin liên lạc của nhóm PCTT&TKCN qua ứng dụng Zalo, Facebook…

- Theo dõi chặt chẽ tình hình, diễn biến của thiên tai, chủ động tổ chức việc phòng chống, xây dựng phương án cứu hộ, cứu nạn phù hợp với tình hình thực tế tại cơ sở.

- Tăng cường công tác theo dõi, cảnh báo, thông tin liên lạc nhanh, kịp thời, chính xác; thực hiện nghiêm túc chế độ trực ban theo quy định.

- Tập trung công tác chống hạn, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Các ban ngành, đoàn thể, các thôn, bản tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân sử dụng tiết kiệm nước và thường xuyên thông báo cho nhân dân về tình hình thời tiết để có biện pháp chủ động ứng phó.

- Quán triệt phương châm "chủ động phòng, tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả, trong đó lấy phòng tránh là chính" trên cơ sở phát huy tốt có hiệu quả phương châm "4 tại chỗ".

- Tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật làm gia tăng nguy cơ thiên tai như lấn chiếm hành lang thoát lũ, khai thác khoáng sản trái phép, chặt phá rừng, vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, an toàn hồ, đập.

6. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh đề nghị Chính phủ, các Bộ ngành liên quan tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Bố trí nguồn kinh phí thường xuyên và kinh phí dự phòng để địa phương chủ động triển khai các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

- Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai; hỗ trợ thiết bị cảnh báo sớm và hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ huy, điều hành ở cấp xã; bổ sung phương tiện, thiết bị cứu hộ, cứu nạn, hệ thống thông tin liên lạc, máy phát điện dự phòng và các vật tư thiết yếu.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu cho cán bộ cấp xã và lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai tại cơ sở để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong công tác phòng, chống thiên tai trong giai đoạn hiện nay.

Ủy ban nhân dân xã A Dơi báo cáo tình hình thiên tai, thiệt hại 6 tháng đầu năm trên địa bàn xã để Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị được biết và tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi và PCTT;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Thành viên BCH PTDS xã;
- BQL các thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Văn Ngoai

BIỂU 07/TKTH
Ban hành kèm theo TTLT số: /2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT
ngày /11/2015 của Bộ NN và PTNT và Bộ KH và ĐT
Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị báo cáo: UBND XÃ A DƠI

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Thủy lợi và PCTT tỉnh

TỔNG HỢP THIỆT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIỆT HẠI	Đơn vị tính	Loại thiên tai																									
				Bão, nước dâng		Gió mạnh trên biển		ATNĐ		Mưa lớn, lũ, ngập lụt		Lũ quét		Sạt lở đất		Lốc, sét, mưa đá		Sương muối, sương mù, rét hại		Xâm nhập mặn		Hạn hán, nắng nóng		Động đất		Sóng thần		Sụt lún đất		Tổng	
				Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)	Số lượng	Ước thiệt hại (tr.đ)
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
1	**NG**	**THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI**																													
1.1	**NG01**	**Số người chết**	**người**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**
1.1.1	*NG011*	*Trẻ em*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.1.2	*NG012*	*Nữ giới*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.1.3	*NG013*	*Người khuyết tật*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.1.4	*NG014*	*Đối tượng khác*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.2	**NG02**	**Số người mất tích**	**người**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**
1.2.1	*NG021*	*Trẻ em*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.2.2	*NG022*	*Nữ giới*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.2.3	*NG023*	*Người khuyết tật*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.2.4	*NG024*	*Đối tượng khác*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.3	**NG03**	**Số người bị thương**	người	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**
1.3.1	*NG031*	*Trẻ em*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.3.2	*NG032*	*Nữ giới*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.3.3	*NG033*	*Người khuyết tật*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.3.4	*NG034*	*Đối tượng khác*	người	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x	**0**	x
1.4	**NG04**	**Số hộ bị ảnh hưởng**	**bộ**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**
1.5	**NG05**	**Số người bị ảnh hưởng**	**người**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**	**0**	**x**
2	**NH**	**THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
2.1	**NH01**	**Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)**	**cái**																												
2.1.1	*NH011*	*Nhà kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.1.2	*NH012*	*Nhà bán kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.1.3	*NH013*	*Nhà thiếu kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.1.4	*NH014*	*Nhà đơn sơ*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	

2.2	**NH02**	**Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%**	**cái**	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.2.1	*NH021*	*Nhà kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.2.2	*NH022*	*Nhà bán kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.2.3	*NH023*	*Nhà thiếu kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.2.4	*NH024*	*Nhà đơn sơ*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.3	**NH03**	**Thiệt hại nặng từ 30% -50%**	**cái**	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.3.1	*NH031*	*Nhà kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.3.2	*NH032*	*Nhà bán kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.3.3	*NH033*	*Nhà thiếu kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.3.4	*NH034*	*Nhà đơn sơ*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.4	**NH04**	**Thiệt hại một phần (dưới 30%)**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.4.1	*NH041*	*Nhà kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.4.2	*NH042*	*Nhà bán kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.4.3	*NH043*	*Nhà thiếu kiên cố*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.4.4	*NH044*	*Nhà đơn sơ*	cái	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.5	**NH05**	**Nhà bị ngập nước**	**lượt**	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.5.1	*NH051*	*Bị ngập dưới 1m*	*lượt*	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.5.2	*NH052*	*Bị ngập nước (1-3)m*	*lượt*	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.5.3	*NH053*	*Bị ngập nước trên 3m*	*lượt*	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.6	**NH07**	**Nhà phải di dời khẩn cấp**	**cái**	**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**		**0**	
2.7	**NH09**	**Các thiệt hại về nhà ở khác (*)**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
3	**GD**	**THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
3.1	**GD01**	**Số điểm/trường bị ảnh hưởng**	**điểm**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**
3.2	***GD02***	**Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên**	**cái**																												
3.2.1	*GD021*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	cái																												
3.2.2	*GD022*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	cái																												
3 2.3	*GD023*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	cái																												
3.2.4	*GD024*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	cái																												
3.3	**GD03**	**Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên bị ngập nước**	**cái**																												
3.3.1	*GD031*	*Bị ngập dưới 1m*	*cái*																												
3.3.2	*GD032*	*Bị ngập nước (1-3)m*	*cái*																												

3.3.3	*GD033*	*Bị ngập nước trên 3m*	*cái*																												
3.4	**GD04**	**Các thiết bị giáo dục ở điểm/trường bị hư hỏng**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
3.5	**GD05**	**Các thiết bị về giáo dục khác (*)**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
4	**YT**	**THIỆT HẠI VỀ Y TẾ**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
4.1	**YT01**	**Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế)**	**cái**																												
4.1.1	*YT011*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	cái																												
4.1.2	*YT012*	*Thiệt hại rất nặng từ 50%-70%*	cái																												
4.1.3	*YT013*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	cái																												
4.1.4	*YT014*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	cái																												
4.2	**YT012**	**Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế) bị ngập nước**	**cái**																												
4.2.1	*YT021*	*Bị ngập dưới 1m*	*cái*																												
4.2.2	*YT022*	*Bị ngập nước (1-3)m*	*cái*																												
4.2.3	*YT023*	*Bị ngập nước trên 3m*	*cái*																												
4.3	**YT04**	**Thuốc bị ướt, hư hỏng, cuốn trôi**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
4.4	**YT05**	**Vật tư, máy móc và thiết bị y tế bị hư hỏng, cuốn trôi**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
4.5	**YT06**	**Các thiệt hại về Y tế khác (*)**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
5	**VH**	**THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
5.1	**VH01**	**Công trình văn hóa**	**cái**																												
5.1.1	VH01	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	cái																												
5.1.2	VH02	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	cái																												
5.1.3	VH03	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	cái																												
5.1.4	VH04	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	cái																												
5.2	**VH02**	**Di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh**																													
5.2.1	VH021	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	cái																												
5.2.2	VH022	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	cái																												
5.2.3	VH023	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	cái																												
5.2.4	VH024	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	cái																												
5.3	**VH03**	**Trang thiết bị tại công trình văn hóa bị vùi lấp, hư hỏng**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
5.4	**VH04**	**Các thiệt hại về văn hóa khác (*)**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
6	**NLN**	**THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DIÊM**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
6.1	**NLN01**	**Diện tích lúa**	**ha**																												

6.1.1	***NLN011***	***Diện tích gieo cấy lúa thuần***	***ha***																													
6.1.1.1	*NLN0111*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
6.1.1.2	*NLN0112*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%*	*ha*																													
6.1.1.3	*NLN0113*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	*ha*																													
6.1.1.4	*NLN0114*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
6.1.2	***NLN012***	***Diện tích gieo cấy lúa lai***	***ha***																													
6.1.2.1	*NLN0121*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
6.1.2.2	*NLN0122*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
6.1.2.3	*NLN0123*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	*ha*																													
6.1.2.4	*NLN0124*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
6.2	**NLN02**	**Diện tích mạ**	*ha*																													
6.2.1	***NLN021***	***Diện tích mạ lúa thuần***	***ha***																													
6.2.1.1	*NLN0211*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
6.2.1.2	*NLN0212*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
6.1.1.3	*NLN0213*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													
6.1.1.4	*NLN0214*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
6.2.2	***NLN022***	***Diện tích mạ lúa lai***	***ha***																													
6.2.2.1	*NLN0221*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
6.2.2.2	*NLN0222*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
6.2.2.3	*NLN0223*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													
6.2.2.4	*NLN0224*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
6.3	**NLN03**	**Diện tích hoa màu, rau màu**	**ha**																													
6.3.1	*NN031*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
6.3.2	*NN032*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
6.3.3	*NN033*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													
6.3.4	*NN034*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
6.4	***NLN04***	**Số lượng hoa, cây cảnh các loại**	**chậu,cây**																													
6.4.1	*NLN041*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*chậu,cây*																													
6.4.2	*NLN042*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*chậu,cây*																													
6.4.3	*NLN043*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	*chậu,cây*																													
6.4.4	*NLN044*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*chậu,cây*																													
6.5	**NLN05**	**Diện tích cây trồng lâu năm**	**ha**																													
6.5.1	*NLN051*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
6.5.2	*NLN052*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
6.5.3	*NLN053*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													

6.5.4	*NLN054*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
6.6	**NLN06**	**Diện tích cây trồng hàng năm**	**ha**																													
6.6.1	*NLN061*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
6.6.2	*NLN062*	*Thiệt hại rất nặng từ 50%-70%*	*ha*																													
6.6.3	*NLN063*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													
6.6.5	*NLN064*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
6.7	**NLN07**	**Diện tích cây ăn quả tập trung**	**ha**																													
6.7.1	*NLN071*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	ha																													
6.7.2	*NLN072*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	ha																													
6.7.3	*NLN073*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	ha																													
6.7.4	*NLN074*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	ha																													
6.8	**NLN08**	**Diện tích rừng hiện có**	**ha**																													
6.8.1	*NLN081*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
6.8.2	*NLN082*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
6.8.3	*NLN083*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													
6.8.4	*NLN084*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
6.9	**NLN9**	**Cây bóng mát, cây xanh đô thị bị chết**	**cây**																													
6.10	**NLN10**	**Cây giống bị hư hỏng**	**ha**																													
6.11	**NLN11**	**Hạt giống hư hỏng**	**tấn**																													
6.12	**NLN12**	**Lương thực bị trôi, ẩm, ướt và hư hỏng**	**tấn**																													
6.13	**NLN13**	**Diện tích đất ở bị xói lở, vùi lấp**	**ha**																													
6.14	**NLN14**	**Diện tích ruộng muối bị vùi lấp, hư hỏng**	**ha**																													
6.15	**NLN15**	**Muối bị hư hỏng**	**tấn**																													
6.16	**NLN16**	**Diện tích canh tác bị ngập mặn**	**ha**																													
6.17	**NLN17**	**Các thiệt hại về nông, lâm, diêm nghiệp khác (*)**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		
7	**CHN**	**THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		
7.1	**CHN1**	**Gia súc bị chết, cuốn trôi**	**con**																													
7.1.1	*CHN01*	*Trâu, bò, ngựa*	*con*																													
7.1.2	*CHN02*	*Nai, cừu, dê*	*con*																													
7.1.3	*CHN03*	*Lợn*	*con*																													
7.1.4	*CHN04*	*Các loại gia súc khác*	*con*																													
7.2	**CHN02**	**Gia cầm bị chết, cuốn trôi**	**con**																													

7.2.1	*CHN021*	*Gà, vịt, ngan, ngỗng*	*con*																													
7.2.2	*CHN023*	*Các loại gia cầm khác*	*con*																													
7.3	**CHN03**	**Các loại vật nuôi khác bị chết, cuốn trôi**	**con**																													
7.4	**CHN04**	**Thức ăn gia súc gia cầm bị cuối trôi, vùi lấp, hư hỏng**	**tấn**																													
7.5	**CHN05**	**Vật tư phục vụ chăn nuôi bị cuốn trôi, hư hỏng**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
7.6	**CHN06**	**Chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bị hư hỏng**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
7.7	**CHN07**	**Nước cấp chăn nuôi tập trung bị thiếu hụt**	**m3**																													
7.8	**CHN07**	**Các thiệt hại về chăn nuôi khác (*)**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
8	**TL**	**THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
8.1	**TL01**	**Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt**																														
8.1.1	*TL011*	*Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)*	*m*																													
8.1.2	*TL012*	*Số lượng mạch đùn, mạch sủi, lỗ rò*	*cái*																													
8.1.3	*TL013*	*Diện tích thẩm lậu*	*m²*																													
8.2	**TL02**	**Đê từ cấp IV trở xuống, đê bối, bờ bao**																														
8.2.1	*TL021*	*Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)*	*m*																													
8.2.2	*TL022*	*Số lượng mạch đùn, mạch sủi, lỗ rò*	*cái*																													
8.2.3	*TL023*	*Diện tích thẩm lậu*	*m*																													
8.3	**TL03**	**Kè**																														
8.3.1	*TL031*	*Chiều dài sạt lở, hư hỏng*	*m*																													
8.3.2	*TL032*	*Diện tích bong xô*	*m²*																													
8.4	**TL04**	**Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng**																														
8.4.1	*TL041*	*Chiều dài bị sạt lở, vỡ*	*m*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
8.4.2	*TL042*	*Khối lượng đất sạt lở*	*m³*																													
8.4.3	*TL043*	*Khối lượng đá, bê tông hư hỏng*	*m³*																													
8.4	**TL04**	**Cống**																														
8.4.1	*TL041*	*Cống, bọng bị hư hỏng*	*cái*																													
8.4.2	*TL042*	*Bọng bị trôi*	*cái*																													
8.4.3	*TL043*	*Cống bị trôi*	*cái*																													
8.5	**TL05**	**Đập thủy lợi**																														
8.5.1	*TL051*	*Đập bị vỡ (ghi rõ tên đập, chiều dài*	*cái*																													

		vỡ)																													
8.5.2	*TL052*	*Đập bị sạt lở, hư hỏng*	*cái*																												
8.6	**TL06**	**Số trạm bơm**	cái																												
8.6.1	*TL061*	*Kiên cố*	*cái*																												
8.6.2	*TL062*	*Bán kiên cố*	*cái*																												
8.7	**TL07**	**Công trình thủy lợi khác bị vỡ, trôi và hư hỏng**	**cái**																												
8.8	**TL08**	**Bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở**																													
8.8.1	*TL081*	*Chiều dài*	*m*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x
8.8.3	*TL083*	*Diện tích bị mất*	*m^2*																												
8.9	**TL09**	**Các thiệt hại về thủy lợi khác (*)**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
9	**GT**	**THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
9.1	**GT01**	**Đường giao thông Trung ương (quốc lộ)**																													
9.1.1	*GT011*	*Chiều dài sạt lở, hư hỏng*	*m*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x
9.1.2	*GT012*	*Chiều dài bị ngập*	*m*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x
9.1.3	*GT013*	*Khối lượng đất bị sạt lở*	*m^3*																												
9.1.4	*GT014*	*Khối lượng đá, bê tông, nhựa đường hư hỏng*	*m^3*																												
9.1.5	*GT015*	*Cầu bị hư hỏng*	*cái*																												
9.1.6	*GT016*	*Cống bị hư hỏng*	*cái*																												
9.1.7	*GT017*	*Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc*	*điểm*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x
9.1.8	*GT018*	*Thiết bị, máy móc, vật tư*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
9.1.9	*GT019*	*Công trình phụ trợ khác*	*cái*																												
9.2	**GT02**	**Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường xã)**																													
9.2.1	*GT021*	*Chiều dài sạt lở, hư hỏng*	*m*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x
9.2.2	*GT022*	*Chiều dài bị ngập*	*m*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x
9.2.3	*GT023*	*Khối lượng đất bị sạt lở*	*m^3*																												
9.2.4	*GT024*	*Khối lượng đá, bê tông, nhựa đường hư hỏng*	*m^3*																												
9.2.5	*GT025*	*Cầu bị hư hỏng*	*cái*																												
9.2.6	*GT026*	*Cống bị hư hỏng*	*cái*																												
9.2.7	*GT027*	*Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc*	*điểm*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x
9.2.8	*GT028*	*Thiết bị, máy móc, vật tư*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
9.2.9	*GT029*	*Công trình phụ trợ khác*	*cái*																												

9.3	**GT03**	**Đường sắt**																													
9.3.1	*GT031*	*Chiều dài hư hỏng đường ray*	*m*																												
9.3.2	*GT032*	*Chiều dài đường ray bị ngập*	*m*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x
9.3.3	*GT033*	*Khối lượng đất nền đường sạt lở*	*m^3*																												
9.3.4	*GT034*	*Khối lượng đất, đá lấp đường sắt*	*m^3*																												
9.3.5	*GT035*	*Cầu đường sắt bị hư hỏng*	*cái*																												
9.3.6	*GT036*	*Cống đường sắt bị hư hỏng*	*cái*																												
9.3.7	*GT037*	*Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng đường sắt*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
9.3.8	*GT038*	*Điểm đường giao thông bị sạt lở, ách tắc*	*điểm*		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x
9.3.9	*GT039*	*Công trình phụ trợ khác*	*cái*																												
9.4	**GT04**	**Đường thủy nội địa trung ương**																													
9.4.1	*GT041*	*Phà, canô, tàu vận tải thủy bị chìm*	*cái*																												
9.4.2	*GT042*	*Phà, canô, tàu vận tải thủy bị hư hỏng*	*cái*																												
9.4.3	*GT043*	*Thiết bị, máy móc, vật tư*	*triệu đồng*																												
9.4.4	*GT044*	*Biển báo, báo hiệu bị trôi, hư hỏng*	*cái*																												
9.4.5	*GT045*	*Khối lượng đất, đá sạt lở bờ sông*	*m^3*																												
9.4.6	*GT046*	*Công trình phụ trợ khác*	*cái*																												
9.5	**GT05**	**Đường thủy nội địa địa phương**																													
9.5.1	*GT051*	*Phà, canô, tàu vận tải thủy bị chìm*	*cái*																												
9.5.2	*GT052*	*Thiết bị, máy móc, vật tư*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
9.5.3	*GT054*	*Biển báo, báo hiệu bị trôi, hư hỏng*	*cái*																												
9.5.4	*GT055*	*Khối lượng đất, đá sạt lở bờ sông*	*m^3*																												
9.5.5	*GT056*	*Công trình phụ trợ khác*	*cái*																												
9.6	**GT06**	**Hàng hải**																													
9.6.1	*GT061*	*Tàu, thuyền vận tải thủy bị chìm*	*cái*																												
9.6.2	*GT062*	*Biển báo, báo hiệu bị trôi, hư hỏng*	*cái*																												
9.6.3	*GT063*	*Thiết bị, máy móc, vật tư bị hư hỏng*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
9.6.4	*GT064*	*Khối lượng đất, đá sạt lở cảng biển*	*m^3*																												
9.6.5	*GT065*	*Công trình phụ trợ khác*	*cái*																												
9.7	**GT07**	**Hàng không**																													
9.7.1	*GT071*	*Máy bay, trực thăng, phương tiện chuyên dùng khác*	*cái*																												
9.7.2	*GT072*	*Thiết bị, vật tư, máy móc hư hỏng*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	

9.7.3	*GT073*	*Biển báo, báo hiệu bị trôi, hư hỏng*	*cái*																													
9.7.5	*GT074*	*Công trình phụ trợ khác*	*cái*																													
9.8	**GT08**	**Các thiệt hại về giao thông khác (*)**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
10	**TS**	**THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
10.1	**TS01**	**Diện tích nuôi cá truyền thống**																														
10.1.1	*TS011*	*Diện tích nuôi ao hồ nhỏ*	*ha*																													
10.1.1.1	*TS0111*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
10.1.1.2	*TS0112*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
10.1.1.3	*TS0113*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													
10.1.1.4	*TS0114*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
10.1.2	***TS012***	***Diện tích nuôi cá - lúa, nuôi hồ mặt nước lớn***	***ha***																													
10.1.2.1	*TS0121*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
10.1.2.2	*TS0122*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
10.1.2.3	*TS0123*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													
10.1.2.4	*TS0124*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
10.2	**TS02**	**Diện tích nuôi cá tra**	***ha***																													
10.2.1	*TS021*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
10.2.2	*TS022*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
10.2.3	*TS023*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													
10.2.4	*TS024*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
10.3	**TS03**	**Diện tích nuôi tôm**	**ha**																													
10.3.1	***TS031***	***Diện tích nuôi tôm quảng canh***	***ha***																													
10.3.1.1	*TS0311*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
10.3.1.2	*TS0312*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%*	*ha*																													
10.3.1.3	*TS0313*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	*ha*																													
10.3.1.4	*TS0314*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
10.3.2	**TS032**	***Diện tích nuôi tôm thâm canh***	**ha**																													
10.3.2.1	*TS0321*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
10.3.2.2	*TS0322*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													
10.3.2.3	*TS0323*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																													
10.3.2.4	*TS0324*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																													
10.3.3	**TS033**	***Diện tích nuôi nhuyễn thể***	**ha**																													
10.3.3.1	*TS0331*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																													
10.3.3.2	*TS0332*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																													

10.3.3.3	*TS0333*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*ha*																												
10.3.3.4	*TS0334*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																												
10.4	**TS04**	**Diện tích nuôi ngao**	*ha*																												
10.4.1	*TS041*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																												
10.4.2	*TS042*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																												
10.4.3	*TS043*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	*ha*																												
10.4.4	*TS044*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																												
10.5	**TS05**	**Các loại thủy, hải sản khác**	**ha**																												
10.5.1	*TS051*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*ha*																												
10.5.2	*TS052*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*ha*																												
10.5.3	*TS053*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	*ha*																												
10.5.4	*TS054*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*ha*																												
10.6	**TS06**	**Lồng, bè nuôi thủy, hải sản các loại**	**100m³/lồng**																												
10.6.1	*TS061*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*100m³/lồng*																												
10.6.2	*TS062*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*100m³/lồng*																												
10.6.3	*TS063*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*100m³/lồng*																												
10.6.4	*TS064*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*100m³/lồng*																												
10.7	**TS07**	**Phương tiện khai thác thủy, hải sản**	**chiếc**																												
10.7.1	***TS071***	***Công suất <20CV***	***chiếc***																												
10.7.1.1	*TS0711*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*chiếc*																												
10.7.1.2	*TS0712*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*chiếc*																												
10.7.1.3	*TS0713*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*chiếc*																												
10.7.1.4	*TS0714*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*chiếc*																												
10.7.2	***TS072***	***Công suất 20-90CV***	***chiếc***																												
10.7.2.1	*TS0721*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*chiếc*																												
10.7.2.2	*TS0722*	*Thiệt hại rất nặng từ 50%-70%*	*chiếc*																												
10.7.2.3	*TS0723*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	*chiếc*																												
10.7.2.4	*TS0724*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*chiếc*																												
10.7.3	***TS073***	***Công suất trên 90CV***	***chiếc***																												
10.7.3.1	*TS071*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*chiếc*																												
10.7.3.2	*TS072*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%*	*chiếc*																												
10.7.3.3	*TS073*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	*chiếc*																												
10.7.3.4	*TS074*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*chiếc*																												
10.8	**TS08**	**Ngư cụ, trang thiết bị thông tin**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	

		liên lạc																													
10.8.1	*TS081*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
10.8.2	*TS082*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
10.8.3	*TS083*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
10.8.4	*TS084*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
10.9	**TS9**	**Công trình tránh trú bão**	**công trình**																												
10.10	**TS10**	**Các thiệt hại về thủy sản khác (*)**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
11	**TT**	**THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
11.1	**TT01**	**Cột Ăng ten bị đổ, gãy**	**cái**																												
11.2	**TT02**	**Cột treo cáp bị đổ, gãy**	**cái**																												
11.3	**TT03**	**Nhà trạm**	**cái**																												
11.3.1	*TT031*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*cái*																												
11.3.2	*TT032*	*Thiệt hại rất nặng từ 50%-70%*	*cái*																												
11.3.3	*TT033*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*cái*																												
11.3.4	*TT034*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*cái*																												
11.4	***TT04***	**Tuyến cáp**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**	
11.4.1	*TT041*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
11.4.2	*TT042*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
11.4.3	*TT043*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
11.4.4	*TT044*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*triệu đồng*	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
11.5	**TT05**	**Các máy móc, thiết bị thông tin liên lạc**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
11.6	**TT06**	**Các thiệt hại về thông tin liên lạc khác (*)**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
12	**CN**	**THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
12.1	**CN01**	**Cột điện bị đổ, gãy**	**cái**																												
12.1.1	*CN011*	*Trung và cao thế*	*cái*																												
12.1.2	*CN012*	*Hạ thế*	*cái*																												
12.2	**CN02**	**Dây điện bị đứt**	m																												
12.2.1	*CN021*	*Trung và cao thế*	*m*																												
12.2.2	*CN022*	*Hạ thế*	*m*																												
12.3	**CN03**	**Trạm biến thế bị hư hỏng**	**cái**																												
12.3.1	*CN031*	*Trung và cao thế*	*cái*																												
12.3.2	*CN032*	*Hạ thế*	*cái*																												
12.4	**CN04**	**Kè bờ thủy điện**	**m**																												

21.4.1	*CN041*	*Chiều dài bị sạt*	*m*																													
21.4.2	*CN042*	*Diện tích bị bong xô*	*m^2*																													
12.5	**CN05**	**Hệ thống thoát nước bị bồi lấp, phá hủy**	**m**																													
12.6	**CN06**	**Nhà xưởng, xí nghiệp, công trình công nghiệp**	**cái**																													
12.6.1	*CN061*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*cái*																													
12.6.2	*CN062*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	*cái*																													
12.6.3	*CN063*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	*cái*																													
12.6.4	*CN064*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*cái*																													
12.7	**CN07**	**Máy móc, thiết bị bị phá hủy, hư hỏng**	**cái**																													
12.8	**CN08**	**Than, khoáng sản bị trôi, mất**	**tấn**																													
12.9	**CN09**	**Sản phẩm công nghiệp khác bị cuốn trôi, hư hỏng**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		
12.10	**CN10**	**Thiệt hại khác trong nhà máy, xí nghiệp (*)**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		
12.11	**CN11**	**Thiệt hại khác trong hầm mỏ (*)**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		
12.12	**CN12**	**Thiệt hại khác trong công trình thủy điện (*)**	**triệu đồng**	**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		**x**		
12.13	**CN13**	**Giàn khoan, giàn khai thác Dầu khí bị trôi, đổ, hư hỏng**	**cái**																													
12.13.1	CN141	*Giàn khoan*	cái																													
12.13.2	CN142	*Giàn khai thác*	cái																													
12.14	**CN14**	**Đường ống bị vỡ**	**m**																													
12.14.1	*CN141*	*Đường ống nội mỏ*	m																													
12.14.2	*CN142*	*Đường ống chuyển dầu khí vào bờ, trên bờ*	m																													
12.15	**CN15**	**Kho chứa nổi**	**cái**																													
12.15.1	*CN151*	*Tàu nổi xử lý và chứa dầu FTSO*	cái																													
12.15.2	*CN152*	*Tàu nổi chứa dầu FSO*	cái																													
12.17	*CN17*	**Các thiệt hại về công nghiệp khác (*)**	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
13	**XD**	**THIỆT HẠI VỀ XÂY DỰNG**	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
13.1	**XD01**	**Các công trình đang thi công**	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
13.1.1	*XD011*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
13.1.2	*XD012*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
13.1.3	*XD013*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		
13.1.4	*XD014*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		

13.2	**XD02**	**Máy móc, thiết bị xây dựng**	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
13.2.1	*XD021*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
13.2.2	*XD022*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
13.2.3	*XD023*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
13.2.4	*XD024*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
133	**XD03**	**Vật liệu xây dựng**	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
13.3.1	*XD031*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
13.3.2	*XD032*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
13.3.3	*XD033*	*Thiệt hại nặng từ 30% -50%*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
13.3.4	*XD034*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	triệu đồng	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
13.4	**XD04**	**Các thiệt hại về xây dựng khác (*)**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
14	**MT**	**THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
14.1	**MT01**	**Diện tích vùng dân cư thiếu nước bị nhiễm mặn**	***ha***																												
14.2	**MT02**	**Diện tích vùng dân cư bị ô nhiễm**	***ha***																												
14.3	**MT03**	**Số hộ thiếu nước sạch sử dụng**	***hộ***																												
14.4	**MT04**	**Công trình cấp nước bị hư hỏng**	**cái**																												
14.5	**MT05**	**Các thiệt hại về NS và VSMT khác (*)**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
15	**CT**	**THIỆT HẠI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
15.1	**CT01**	**Trụ sở cơ quan**	**cái**																												
15.1.1	*CT011*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	cái																												
15.1.2	*CT012*	*Thiệt hại rất nặng từ 50%-70%*	cái																												
15.1.3	*CT013*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	cái																												
15.1.4	*CT014*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	cái																												
15.2	**CT02**	**Chợ, trung tâm thương mại**	**cái**																												
15.2.1	*CT021*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	*cái*																												
15.2.2	*CT022*	*Thiệt hại rất nặng từ 50%-70%*	*cái*																												
15.2.3	*CT021*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	*cái*																												
15.2.4	*CT024*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	*cái*																												
15.3	**CT03**	**Nhà kho, phân xưởng**	**cái/m^2**																												
15.3.1	*CT031*	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	cái/m^2																												
15.3.2	*CT032*	*Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%*	cái/m^2																												
15.3.3	*CT033*	*Thiệt hại nặng từ 30% - 50%*	cái/m^2																												

15.3.4	*CT034*	*Thiệt hại một phần (dưới 30%)*	cái/m^2																												
15.4	**CT06**	**Công trình quốc phòng, an ninh và các công trình phòng chống thiên tai khác (*)**	**cái**																												
15.5	**CT04**	**Tường rào, cổng bị đổ, sập, hư hỏng**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
15.6	**CT05**	**Công trình phụ bị hư hỏng**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
15.7	**CT07**	**Các thiệt hại khác (*)**	**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	
	ƯỚC TÍNH TỔNG THIỆT HẠI BẰNG TIỀN		**triệu đồng**	x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x		x	

Ghi chú:
(*) Liệt kê chi tiết các loại thiệt hại (nếu có)
(x) Bỏ qua không ước giá trị thiệt hại bằng tiền, hoặc số lượng

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ Cu Đá

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ Văn Ngoai

BIỂU 08/TKTH
Ban hành kèm theo TTLT số: /2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày /11/2015 của Bộ NN và PTNT và Bộ KH và ĐT
Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị báo cáo: UBND XÃ A DƠI

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục TL&PCTT tỉnh

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH THIỆT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

TT	MÃ	CHỈ TIÊU THIỆT HẠI	ĐƠN VỊ	Tổng	
				Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)
1	**NG**	**THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI**			
1.1	NG01	Số người chết	người	0	x
1.2	NG02	Số người mất tích	người	0	x
1.3	NG03	Số người bị thương	người	0	x
2	**NH**	**THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở**	**triệu đồng**	**x**	
2.1	NH01	Thiệt hại hoàn toàn (> 70%)	cái	0	
2.2	NH02	Hư hỏng khác (≤ 70%)	cái	0	
3	**GD**	**THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC**	**triệu đồng**	**x**	
3.1	GD01	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	điểm		x
3.2	GD02	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên bị thiệt hại hoàn toàn (> 70%)	cái	0	
3.3	*GD021*	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên bị hư hỏng (≤ 70%)	cái	0	
4	**YT**	**THIỆT HẠI VỀ Y TẾ**	**triệu đồng**	**x**	
4.1	YT01	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế) bị thiệt hại hoàn toàn (> 70%)	cái	0	
4.2	*YT011*	*Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế) bị hư hỏng (≤ 70%)*	cái	0	
5	**VH**	**THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA**	**triệu đồng**	**x**	
5.1	VH01	*Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)*	cái	0	
5.2	VH02	*Hư hỏng khác (≤ 70%)*	cái	0	
6	**NLN**	**THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP**	**triệu đồng**	**x**	
6.1	NLN01	Diện tích lúa mất trắng (> 70%)	ha	0	
6.2	NLN02	Diện tích lúa bị ảnh hưởng (≤ 70%)	ha	0	
6.3	*NLN091*	Diện tích rừng bị ảnh hưởng	ha	0	
6.4	NLN15	Diện tích ruộng muối bị hư hỏng	ha	0	
7	**CHN**	**THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI**	**triệu đồng**	**x**	
7.1	**CHN**	**Gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi**	**con**	**0**	
8	**TL**	**THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI**	**triệu đồng**	**x**	
8.1	TL01	Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt bị sạt, vỡ	m	0	

8.2	TL02	Đê từ cấp IV trở xuống, đê bối, bờ bao bị sạt, vỡ	m	0	
8.3	TL03	Kè bị sạt lở	m	0	
8.4	TL04	Cống, bọng bị hư hỏng, cuốn trôi	cái	0	
8.6	TL06	Số trạm bơm bị hư hỏng	cái	0	
9	**GT**	**THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG**	**triệu đồng**	**x**	
9.1	**GT01**	**Đường giao thông Trung ương (quốc lộ)**		0	
9.1.1	*GT011*	*Chiều dài sạt lở, hư hỏng*	*m*	0	x
9.1.4	*GT014*	*Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại*	*m^3*	0	
9.1.5	*GT015*	*Cầu, cống bị hư hỏng*	*cái*	0	
9.2	**GT02**	**Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường xã)**		0	
9.2.1	*GT021*	*Chiều dài sạt lở, hư hỏng*	*m*	0	x
9.2.4	*GT024*	*Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại*	*m^3*	0	
9.2.5	*GT025*	*Cầu, cống bị hư hỏng*	*cái*	0	
10	**TS**	**THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN**	**triệu đồng**	**x**	
10.1	TS01	Diện tích nuôi ao, hồ bị thiệt hại	ha	0	
10.2	TS02	Lồng, bè nuôi thủy, hải sản các loại bị thiệt hại	100m^3/*lồng*	0	
10.3	TS03	Phương tiện khai thác thủy, hải sản bị chìm, vỡ, trôi	chiếc	0	
10.4	TS04	Công trình tránh trú bão bị hư hỏng	công trình	0	
11	**TT**	**THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC**	**triệu đồng**	**x**	
11.1	TT01	Cột Ăng ten bị đổ, gãy	cái	0	
11.2	TT02	Cột treo cáp bị đổ, gãy	cái	0	
11.3	TT03	Nhà trạm bị hư hỏng	cái	0	
12	**CN**	**THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP**	**triệu đồng**	**x**	
12.1	CN01	Cột điện bị đổ, gãy	cái	0	
12.2	CN03	Trạm biến thế bị hư hỏng	cái	0	
12.3	CN06	Nhà xưởng, xí nghiệp, công trình công nghiệp bị hư hỏng	cái	0	
13	**XD**	**THIỆT HẠI VỀ XÂY DỰNG**	**triệu đồng**	**x**	
13.1	XD01	Các công trình đang thi công bị hư hỏng	triệu đồng	x	
13.2	XD02	Máy móc, thiết bị xây dựng bị hư hỏng	triệu đồng	x	
14	**MT**	**THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**	**triệu đồng**	**x**	
15	**CT**	**THIỆT HẠI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC**	**triệu đồng**	***x***	
15.1	CT01	Trụ sở cơ quan bị hư hỏng	cái	0	

15.2	CT02	Chợ, trung tâm thương mại bị hư hỏng	cái	0	
15.3	CT03	Nhà kho, phân xưởng bị hư hỏng	cái/m^2	0	
15.4	CT06	Công trình quốc phòng, an ninh và các công trình phòng chống thiên tai khác bị thiệt hại	công trình	0	
16		**CÁC LOẠI THIỆT HẠI KHÁC (*)**		0	
	TỔNG		**triệu đồng**	***x***	

Ghi chú:

(*) Các loại thiệt hại khác: Tổng giá trị thiệt hại còn lại trong Biểu mẫu 07 chưa được đề cập trong Biểu mẫu này

(x) Bỏ qua không ước giá trị thiệt hại bằng tiền, hoặc số lượng

Người lập biểu	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*
Hồ Cu Đá	**Hồ Văn Ngoai**